

QUÁCH TẤN

QUÁCH TẤN hiệu là Trường-Xuyên, tự Đăng-Đạo. Ông sinh ngày 23 tháng 11 năm Kỷ-lân tức nhằm ngày 4 tháng Giêng năm 1910, tại làng Trường-định, quận Bình-khê thuộc tỉnh Bình-định (Trung-phần).

Quách Tấn gốc người minh-hương, ở Phúc-kiến. Dòng họ ông sang cư ngụ tại Việt-nam từ đời nhà Nguyễn.

Thuở nhỏ theo Hán học, mãi đến năm 12 tuổi ông mới bắt đầu theo học chữ Quốc-ngữ rồi sau đó theo học chữ Pháp.

Năm 1929, thi đỗ bằng Cao-dẳng Tiểu-học tại Qui-nhon, sau đó vì gia cảnh cha mẹ mất sớm, Quách Tấn đành nghề học và giúp việc cho tòa sứ ở Huế để nuôi hai em ăn học.

Ông có khiếu làm thơ từ thuở thiếu thời, nhất là trong khoảng thời gian còn theo đuổi bậc Tiểu-học.

Sau khi ra đời, ông tự học thêm và đến năm 22 tuổi tức năm 1932, nhờ Tân-Đà hướng dẫn, lại được cụ Phan Sào-Nam khích lệ nâng đỡ nên Quách Tấn bước vào làng ngâm vịnh từ đó.

Quách Tấn thường đăng thơ trên các ~~trở~~ chí như :

- An-nam tạp chí
- Phụ nữ tân văn
- Tiếng dân
- Tiểu thuyết thứ bảy

Các tác phẩm được xuất bản như :

- Một tấm lòng (thơ, năm 1939, tập thơ này được Tân-Đà xếp ngang hàng với thơ Yên-Đỗ, thơ Hồ Xuân-Hương).
- Mùa cỏ diên (thơ, năm 1941).
- Trăng ma lâu Việt (phóng tác theo truyện Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ — năm 1944).
- Động bóng chiều (1965).
- Mộng Ngân-sơn (độ 150 bài từ tuyệt ngũ ngôn của Quách Tấn, xuất bản mùa hè năm 1967, đã được hai nhà phê bình trong tạp san Văn. Thơ in có hạn, chỉ để tặng không bán, cho nên ít người biết. Quách Tấn nói với Lưu kỳ Linh : « Tôi tự thấy đủ rồi, dù không làm thơ nữa cũng được »

Hiện nay thi sĩ Quách-Tấn đang làm giáo sư Việt-văn tại Nha-trang, và đang sống nơi này (1967).



TRONG số những thi nhân thời tiền chiến còn sót lại trên thi đàn, miền Nam hiện nay, ngoài Trương - Phổ, Đông - Hồ, Mộng - Tuyết, Vũ hoàng Chương, Nguyễn Vỹ, Bằng bá Lân, Lưu Kỳ-Linh... còn một người khác đại biểu cho lối thơ xưa, từng nằm trong lòng thế hệ thơ mới thời đó, người ấy là thi sĩ Quách Tấn.

Với cao trào thơ mới đang hồi bành trướng mãnh liệt, hầu hết thi-nhân đều hướng ý thơ của mình về phía chân trời mới, chỉ riêng Quách Tấn còn chịu theo khuôn thước cũ xưa, âu đó cũng là điều đáng nói.

Ở nhà thơ họ Quách, chúng ta thấy có đôi cái lạ.

Giữa lúc các thi nhân bôn chôn, náo nức trang bị thi tứ của mình sao cho hòa hợp mật thiết với ngọn triều lãng mạn ; ca tụng những tình yêu nồng cháy, những dục vọng đam mê, thì Quách Tấn lại tỏ lòng trung thành với lối thơ xưa như quyết giữ nguyên trình cái hình ảnh huy hoàng của thời quá khứ, những đường nét cổ điển của Đường thi.

Giữa thời tàn lụi, suy vi, cơ hồ tan rã của nền Hán học mà Đường thi chịu ảnh hưởng quá nhiều, Quách Tấn cho thi phẩm của mình mang một sắc thái lạ lạ. Nó là hình ảnh một cái móc nối như cổ buộc chặt cái cựu vào cái tân. Nó là sự hòa đồng của hình-thức và nội dung trong thi ca mà Quách Tấn đã vận dụng mọi cố gắng để san bằng những bước trở trang trước đôi hia bảy dặm của nền thơ mới.

Sự hòa tan ý mới trong thể thơ cũ được Quách Tấn minh xác như sau :

« Đối với thơ, tôi không tách biệt « mới » và « cũ ». Tôi lựa thể Đường luật vì thấy thích hợp với tâm hồn mình. »

« Vì đã lựa được con đường đi nên từ 1932 đến 1941, mặc dù phong trào Thơ Mới sôi nổi, tôi vẫn giữ thể Đường luật. »

Cho dù Quách Tấn xác định không phân chia thơ cũ hay mới, những văn thơ của Quách Tấn vẫn được nặng không khí Tống Đường, với những chữ phong, vân, tuyết, nguyệt ; xuân, hạ, thu, đông ; mai, lan, cúc, trúc ; tùng liễu, bướm, hoa, v.v...

Sự sáng tạo thi ca theo đường hướng trên của thi sĩ Quách Tấn đã khiến nhà phê bình văn học Vũ ngọc Phan viết như sau :

« Đọc thơ Quách Tấn, người ta thấy ông chú trọng vào sự gọt dũa nhiều quá, ông cần nhắc từng chữ, ông lựa từng câu, sự chú trọng ấy ông để người ta thấy rõ quá, nên sự thành thật bị giảm đi nhiều. Thơ ông đẹp thì đẹp thật, nhưng không cảm người ta mấy. Có những người đàn bà thơ ca, họ

mà khi gặp mặt người ta không cảm động chút nào, chỉ vì cái sắc đẹp ấy là thứ sắc đẹp lạnh lùng; lại có những thiếu nữ không lấy gì làm đẹp cho lắm nhưng về người lại nồng nàn, có duyên, làm cho người ta phải cảm động. Cái đẹp của thơ Quách Tấn là cái đẹp lạnh lùng. Bài Mộng thấy Hàn-Mặc-Tử của ông đáng lý phải có cái sức rung cảm người ta lắm; vậy mà không, đọc bài ấy người ta cũng chỉ có cái cảm tưởng như đọc bài Đêm thu nghe quạ kêu thôi.

« Trong tập Một tâm lòng của ông, thơ ông cũng trác luyện, nhưng dùng điển câu kỳ thì chưa có mấy. Từ Một tâm lòng đến Mùa cỏ diên, Quách Tấn đã đi sâu hơn vào sự cầu kỳ, đã ra công để gọt lời thơ hơn trước.

« Những bài Đường thi sơ dĩ cảm người ta rất sâu là vì ở mỗi bài thơ, thi nhân thường gói vào ít nhiều tâm sự, làm cho người ta có cái cảm tưởng chỉ khi có lòng, thì nhân mới cảm bắt đầu thơ và như thế, bao giờ cũng thành thật.

« Thơ Quách Tấn điêu luyện thì có điêu luyện, nhưng thành thật thì không.

« Về sự cân đối, Quách Tấn rất chặt chẽ. Như mấy câu sau này tuy ư cũng thường, nhưng đối thật là chỉnh:

... Gió vàng cợt sóng sông châu mặt,

Mây trắng vờn cây núi bạc đầu.

Dù dặt tiếng ve còn vắng đấy,

Vội vàng cánh nhạn rủ về đâu?

(Cảm thu)

Thơ Quách Tấn chẳng những được đo, gọt, giũa, cân nhắc từng chữ, lựa chọn từng câu, đã đành, mà đến ý tứ cấu tạo, nhiều thơ của ông đều có một « lịch sử », một « tâm sự »; cả đôi khi nó phải chờ đợi sự ... thai nghén dằng dặc đến mười hai năm mới trổ hình như trường hợp bài Đêm thu nghe quạ kêu, hoặc phải chờ sự chín muồi của hồn thơ hay gặp duyên lành mới phát hiện.

Đề dẫn chứng mười hai năm « mang nặng đẻ đau » của mấy vần thơ Đêm thu nghe quạ kêu, chúng tôi xin nhường lời thi sĩ Quách Tấn:

« Nguyên một buổi chiều cuối thu năm Đinh-mão (1927), tôi ở Trường - định xuống An-thái hốt thuốc cho bà thân tôi. Theo con đường gần và dễ đi nhất, tôi qua bên đò An-thái sang An-vinh, rồi theo bờ sông Cồn đi thẳng lên.

« Đêm hôm ấy có trăng, nhưng không được sáng, vì trời nhiều sương. Tôi vừa đi vừa nghĩ vợ vẩn. Chợt đến một khúc đường tre che khuất cả bóng trăng, và mo nang rụng đầy mặt đất. Tôi dẫm phải những mo khô mới rụng, tiếng rau sột soạt làm dậy quạ đương ngủ trên cây, giật mình vỗ cánh hâu vang dậy. Tiếng kêu của lũ linh giữa đêm vắng, nghe vừa rợn rợn vừa lạnh lùng. Cả mình tôi run ốc!

« Từ ấy tiếng quạ ám đến tôi luôn.

« Cách ba tháng sau bà thân tôi mất. Tiếng quạ vẫn cứ theo tôi, nhưng giờ đây rừng rậm lạnh lùng đôi thêm giọng heo nài. Qua một tuần gần một lâu, tiếng quạ thưa dần và nhạt dần, rồi lại mất.

« Mùa hạ năm Kỷ-mão (1939), một đêm trăng tôi ngồi hóng mát cùng nhà tôi và một người bạn, trên bờ đầm Nha-trang ở trước mặt nhà. Lúc ấy đã khuya. Nghe tiếng phè rao, nhà tôi gọi: Không thể trả lời, anh bạn gọi tiếp. Tiếng gọi bị núi Sinh-trung bên kia đầm dội lại, ngân dài trong đêm khuya... Tiếng quạ nằm xưa ở trong tâm hồn tôi vừa nước dậy rợn rợn... Rợn rợn nhưng dịu dàng chờ không rợn rợn, cũng không nào nùng như ngày trước.

« Trờ vô nhà, suốt đêm tôi không ngủ được. Tiếng quạ vang vọng bên tai, và gọi lên không biết bao nhiêu là kỷ ức. Phần thì nhớ mẹ già xưa, phần thì thương cánh làng cũ, bồi hồi ảo não... tôi nằm im lìm để cho nước mắt trào ra... Niềm nhớ thương vợ theo nước mắt, và lòng tôi êm dịu dần dần.

« Toan ngồi dậy ghi lại dòng cảm xúc, song thấp đèn sợ khuấy rầy giấc ngủ của vợ con, tôi đành nằm yên đợi sáng.

« Sáng hôm sau nhằm ngày chủ nhật, được nghỉ, tôi toan lấy giấy bút để làm thơ thì khách đến! Thế là mất hết buổi sáng. Chiều đến đóng kín cửa phòng, một mình ngồi lại.

« Vừa nghỉ đến chữ Quạ thì liền tưởng ngay đến màn đen, đến chữ Ô. Chữ Ô làm nhớ đến bài Ô y hạng (1) của Lưu Vũ-Tịch :

Chu-tước kiều biên dã thảo hoa,
Ô-y hạng khâu tịch dương tà.
Cựu thời Vương Tạ đình tiền yển
Phi nhập tầm thường bách tánh gia. (2)

Những cảnh trong thơ hiện mờ màng ra trước mắt.
Tôi đặt bút xuống bàn, ngồi nhắm mắt lại để cho lòng vui theo cảnh... Bầy yến dễ thương bỗng bay tán mác, rồi nhập lại nơi một lùm tre cao...

Tre che khuất bóng bầy chim én, nhưng lại đưa ra mấy tiếng quạ rộn ràng... Liền đó như một cuốn phim, những cảnh bến đò An-thái, con đường ven sông Cồn dần dần hiện ra dưới bóng nguyệt mờ sương... Rồi tiếng quạ ngân lên, và theo dư âm, bến đò An-thái biến thành bến Phong-kiều của Trương Kế với quang cảnh :

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô-tô thành ngoại Hàn-sơn tự
Đạ bán chung thanh đáo khách thuyền. (3)

(1) Ô-y hạng : Ngõ áo đen hay xóm áo đen bên Tàu. Xóm có hai họ lớn thường cho con cháu mặc cả áo đen.

(2) Bản dịch Trần trọng San :

Chu-tước bên cầu cỏ trở hoa,
Cửa Ô-y hạng, ánh dương tà.
Xưa kia én đậu lâu Vương, Tạ,
Nay tới dân gian lượn mái nhà.

(3) Bài thơ tứ tuyệt này của Trương Kế mang tên Phong-kiều dạ bạc (Ban đêm thuyền đậu bến Phong-kiều). Dưới đây là bản dịch của Tản-Đà :

Trăng tà tiếng quạ kêu sương,
Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô-tô.
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn-sơn.

« Và con sông Cồn biến thành dòng sông Xích-bích. với con thuyền của Tô Đông Pha trôi chậm dưới bóng trăng thu... Tôi tưởng tôi là họ Tô đương ngồi vuốt chòm râu râm báy phất phơ trước gió, và gõ mạn thuyền ngâm bài phú Xích-bích có nhắc đến họ Tào. Tôi như trông thấy rõ dáng đặc ý của Tào Mạnh-Đức đứng trên đoàn thuyền kết dài trên mặt sông, quay ngang ngọn giáo ngắm bài :

Nguyệt minh tinh hi,
Ô thức nam phi,
Nhiều thọ tam tấp
Vô chi khả y ? (1)

« Rồi hết điền này đến điền khác nối nhau đưa tôi vào sâu trong cõi mộng... Tôi ngồi ngủ say cho đến lúc người nhà lay dậy ăn cơm tối !

« Cơm xong, tôi ngồi lại bàn giấy làm việc. Tôi nhất định ghi tất cả những gì đã đến cùng tôi. Nhưng không thể được, vì tôi không thích lời thơ trường thiên. Tôi bèn chọn những nét rung cảm đậm nhất, lọc những gì nên thơ nhất, dồn vào trong 8 câu :

Từ Ô-y hạng rủ rê sang,
Bóng lặn đêm thâu tiếng rộn ràng;
Trời bến Phong-kiều sương thấp thoáng,
Thu sông Xích-bích nguyệt mờ màng.
Bồn chồn thương kẻ nường song bạc,
Thắc thom chẳng ai quả ả vàng ?
Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,
Tình lang mang gợi tứ lang mang.

(1) Diễn nghĩa : Trăng thanh, sao tỏ

Vẽ nam, quạ bay ;
Ba vòng tìm cây
Muốn đậu, không chỗ.

Diễn thơ : Đêm nay sao tỏ trăng thanh.
Vẽ nam con quạ lao mình trên không.
Lượn quanh cây lớn ba vòng.
Tìm không chỗ đậu lạ, vung bay.

« Tôi rất lấy làm thích, và lấy nhan đề là Đêm nghe quạ kêu.

« Năm 1941, nhân các bạn ở tòa soạn tạp chí Bạn đường mới xuất bản, gửi thư xin bài, tôi liền gửi đăng bài ấy.

« Cách đó ít lâu, xem xét lại các thơ đã làm để in vào tập Mùa cỏ diên, tôi nhận thấy bài trên đây, câu luận chưa sường.

« Câu trạng do những cảnh cũ gợi diên.

« Câu luận bị thời cuộc lúc bấy giờ ảnh hưởng :

« Lúc ấy quân Nhật đóng ở Việt-nam, nhiều người đi lính để lập công danh, nhiều bà vợ bị chiếc bóng. Do đó mà mượn tiếng sông Ngân, mượn đến tích Trương-Hạo lượm được một viên đá tròn do con sơn thước hóa ra, đem đập vỡ thì thấy một quả ăn vàng có mấy chữ Trung hiếu hầu ân, sau làm tướng được phong đến tước hầu.

« Chưa lấy làm sường, nhưng sửa mãi chưa được.

« Một đêm tôi ngồi tựa lan can, trầm ngâm ngâm nghĩ... Ngoài trời trăng sáng vàng vạc. Những cánh cửa sổ mờ mờ được ánh trăng chiếu vào trông như xuy bạc, và thêm giăng mờ mờ loang loang sắc hoàng kim. Trí tôi và mắt tôi dồn cả vào sắc vàng sắc trắng của cảnh vật và của câu thơ... Chợt một vật gì rơi vào lòng giếng tạo thành một tiếng « chũm » lạnh lùng. Tôi cảm xúc sửa ngay được câu thơ :

Bồn chồn thương kẻ nương song bạc,

Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng.

« Sửa được câu này tôi khoái hơn khi làm xong tám câu trước. Nhưng ngâm đi ngâm lại, lại thấy câu kết chưa nói đúng nỗi lòng. Một lần nữa tôi phải lo sửa lại :

Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi

Tình hoang mang gợi tứ hoang mang.

« Như thế là ổn. Thích chí ngâm vang cả trời khuya.

« Chế Lan-Viên cũng cho câu sửa hơn hẳn nguyên tác, nhưng còn chê đề bài chưa được nên thơ, mới thêm vào chữ « thu » thành Đêm thu nghe quạ kêu.

Đó là « tiền sử » bài Đêm thu nghe quạ kêu, một bài thơ thai nghén một giáp tròn, thành hình trong nửa đêm, rồi đến hơn hai năm sau mới được sửa chữa lại. Khi làm cũng như khi sửa, tôi hưởng được nhiều hứng thú.

« Vì thế mà lâu nay tôi thích bài ấy hơn các bài khác.

« Hôm nay, tôi lại hưởng thêm một thích thú nữa là vừa tìm thấy một sự ngẫu nhiên lạ lùng :

— Bị tiếng quạ xúc động năm Đinh-mão.

— Làm bài Đêm thu nghe quạ kêu năm Kỷ-mão.

— Viết lại sự tích bài thơ năm Quý-mão. »

Qua lời nói trên, ta nhận thấy, cần phải nấu chín tư tưởng nên thi sĩ Quách Tấn đã chọn lối thơ Đường, thích hợp với mình, vì Đường thì đòi hỏi sự cô đọng, hàm xúc, và tích tụ.

Trong tập Mùa cỏ diên tất cả thơ đều làm theo thể Đường luật thất ngôn bát cú. Trong ấy gồm những bài thơ thi sĩ Quách Tấn ưa thích và hay ngâm nga như : Đêm thu nghe quạ kêu, Lê điệu, Trơ trọi, Một buổi trưa mùa thu. Qua xuân, Đêm tái phụng (Mùa cỏ diên) ; Đá vọng phu (Một tấm lòng) ; Viếng thành Huế sau ngày khói lửa (làm sau Thế-chiến thứ hai.)

Chúng tôi trích đăng lại ở phần Thi-tuyển đề các bạn dùng làm kim chỉ nam tìm hiểu thêm ý và tình thơ của thi sĩ.

*

Bây giờ chúng ta hãy tham khảo tâm tình thi nhân đã ký thác trong tập thơ trên.

Xuyên qua 59 thi bản trong Mùa cỏ diên (Quách Tấn còn tập Một tấm lòng và Động bóng chiều, nhưng có thể lấy Mùa cỏ diên làm điển hình vì là tác phẩm xuất sắc), bài thơ « cổ » nhất trong thi phẩm này là hai bài Về thối nhà cảm tác và Thị-nại hoài cô làm năm 1932.

Tập thơ được chia ra hai phần : phần đầu từ trang 1 đến trang 45 trích đăng những thơ từ năm 1941 trở về trước ; phần hai từ trang 49 đến 78 là thơ từ khoảng 1945 đến 1955.

Có thể nói phần chia ra hai thời kỳ thơ, thi sĩ Quách Tấn đã làm một việc hữu lý. Nó có một trình tự khiến người đọc Quách Tấn lấy làm thú vị. Giả sử có ai đem xáo trộn thơ Quách Tấn sẽ làm cho ta mất hứng thú đề hiểu Quách Tấn hơn.

Chính chúng tôi cũng lấy làm thâm cảm việc làm tinh tế của thi sĩ. Chúng tôi sẽ cảm thấy xa cách với thi sĩ hơn nếu không có sự sắp xếp ấy. Giờ đây thì đã gần thi sĩ lắm rồi.

Vì gần nên chúng tôi hiểu Quách Tấn không phải là thợ thơ. Nguồn thi hứng đối với thi nhân là điều tối cần cho sáng tác :

*Giấc mộng nghìn xưa dương mai mê,
Vùng nghe cảm hứng báo Thơ về.
Sóng mài nghiêng biển ngời non chấm,
Gió trải tờ mây chữ nhận đề.*

(Thơ về)

Chỉ những lúc ấy ý thơ mới tuôn tràn, tình thơ mới lai láng. Rồi điềm, rồi phê, rồi gặt đầu ưng ý, rồi ngâm vang lên trong những chuyến « Thơ về » như thế.

Chúng tôi đến thăm Quách Tấn trong một « Mùa cỏ diềm » ; chúng tôi gặp những tâm tình sau đây :

Mùa xuân, vạn vật như bừng nở. Thi nhân đứng dưới nhành liễu thướt tha, lòng thoáng buồn ; có vui chăng cũng chỉ cười gượng gượng :

*Bạn khắp non sông mà vắng vẻ,
Tình trong gang tấc vẫn xa xôi !
Thân gầy với nguyệt bao phân nửa !
Tóc rụng theo sương mấy lớp rồi !*

(Dưới liễu chờ xuân)

Thu tàn đông sang. Lá vàng lá tả rụng gần trơ trọi thân cây. Khói mây phủ nhẹ đỉnh đầu một màu sữa đục :

*Lá thương nhánh nặng bay hầu hết,
Trời sợ non cô xích lại gần.*

(Trời đông)

Một sự trống trải, đơn côi trong cô phòng, gợi lòng nhớ đến cố nhân :

*Phòng hương thương kẻ ngồi nương trện,
Tình gửi mây xa lệ ngập ngừng.*

(Đêm tình)

Một giấc ngủ trưa mộng mị để lại bao niềm thương nhớ bạn tri âm :

*Tôi khóc tôi cười vang cả mộng. .
Nhớ thương đưa lạc gió qua màn.*

(Mộng thấy Han-Mặc-Tử)

Nào lúc đứng ngồi thân thơ vì thư đã gửi mà tin nhận vẫn chưa về :

*Tình mộng nằm ôn trăng mộng cũ,
Mong thơ lần giờ xấp thơ xưa...
Cỏ sương rung động niềm thương nhớ,
Mây nước non nao ý đợi chờ.*

Hay buồn sau giấc mộng phù du ! Tình đã khăn gói ra đi mà không một lời giã biệt :

*Hỏa xa cỡi thét báo bình minh,
Vùng dậm : người yêu đã trốn mình !
Thôi, rửa là xong tình một tối !
Ừ, ri thôi rành nợ ba sinh.*

Quách Tấn có những câu nhời chữ rất hay ; ta nghe âm thanh như những điệp khúc của bản nhạc :

*Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ,
Nhớ gửi vào thơ nghĩ tội thơ.*

hay :

*Tình mộng nằm im trăng mộng cũ,
Mong thơ lần giờ xấp thơ xưa.*

hoặc :

*Biết rằng tội ấy rằng công ấy ?
Miễn khỏi cầu ai khỏi lụy ai.*

và :

*Ngựa trâu kiếp đã e chề kiếp,
Làng sỏi lòng thêm trắng trợn lòng !*

Ngoài *Mùa cỏ diên*, Quách Tấn còn tập thơ *Động bóng chiều* đã hoàn thành, gồm thơ theo thể thất ngôn, tứ tuyệt (tập này trước thi sĩ định cho mang tên *Lá Mã-tiền*). Tập thứ ba là *Mộng Ngân-sơn* (xuất bản mùa hè 1967) gồm thơ ngũ ngôn và tứ tuyệt.

Chúng tôi xin trích một ít để các bạn thưởng lãm :

*Quán trọ màn sương đắp nhớ nhung,
Năm nghe thu nguyệt khóc thu trùng.
Cánh dâu nghìn dặm in bên gối :
Tuyết rụng hàn mai nửa trắng bông...*

(Bên gối)

*Vì có nhân duyên đã vợ chồng,
Không nên chông vợ dứt chầu xong.
Dứt nhau không nở, theo không nở :
Theo tội đời nhau, dứt tội lòng !*

(Không nở)

*Gió bạt màn sương chiếc lá rơi,
Lửa hương lư phụng vẫn nồng hơi...
Đêm đông ại bảo đêm dài lắm ?
Mộng mới gần nhau đã sáng trời !*

(Chiếc lá rơi)

*Tình ta lóng lánh giọt sương mai :
Ngọc mấy hàng ngưng đọng bóng trời.
Dì gió đa tình ơi, chớ đến
Làm cho lá sợ giọt sương rơi.*

(Giọt sương mai)

*Bên dòng khe nước trong,
Cây măng vôi cong cong.
Lắc lư chim chèo bẻo,
Trên nền trời rạng đông.*

(Bóng quế)

*Sương xuống hồi chuông lặng,
Dư âm tràn hư không.
Lững lơ vàng gợn sóng,
Trắng hồ thu mệnh mông.*

(Âm ba)

*Cơn mưa mai vừa tạnh,
Hoa trúc đào động hương.
Chim hoàng-ly rìa cánh,
Nhè nhẹ rụng kim cương.*

(Giọt hoa đào)

*

Đến đây chúng tôi tưởng cần phải dừng lại để đánh dấu sự ngăn chia dòng đời của thi sĩ Quách Tấn đã đóng góp tiếng thơ của mình trong giai đoạn tiền chiến. Một thời kỳ mà hồn thơ được tự do nảy nở theo trào lưu nhịp sống trong cảnh đất nước thanh bình.

Vì đó mà tiếng thơ của Quách Tấn trong veo như hạt sương trên đầu ngọn cỏ, không vương tí bụi đời của một tâm hồn thanh thản.

Đến phần hai của tập *Mùa cỏ diên*, chúng tôi bắt gặp ngay dòng chữ :

*« Thân tặng vợ và con, nguồn yên ủi
độc nhất trong mười năm chinh chiến. »*

nghĩa là trong giai đoạn chiến tranh đang lan tràn trên giải quê hương này.

Cũng như muôn triệu linh hồn trên đất Việt, thi nhân bị chìm đắm trong khói lửa mịt mù. Phần thi tập này ghi lại nỗi đời cơ cực, đắng cay của Quách Tấn. Chúng tôi xin mạn phép thi sĩ trích lại theo thứ tự thời gian một số thơ trong tập *Mùa cỏ diên* từ năm 1946 trở đi cho đến 1955 ở phần Thi-tuyển đề các bạn ý niệm được những biến chuyển trong đời thi sĩ Quách Tấn.

*

Giờ, chúng tôi muốn các bạn xóa tan ý nghĩ sâu bi đang lớn vồn trong trí bạn vì đôi dòng chữ trên đề đầu óc các bạn hoàn toàn tinh trắng. Trắng để tiếp nhận một món ăn khác lạ.

Xin hỏi thật, các bạn đã từng nghe ai nói đến « Đạo thơ » chưa?

Đạo Không, Đạo Lão, Đạo Phật, Đạo Gia-tô, Trà-đạo, Kiếm-đạo v.v... thì có.

Hoặc giả có người đã nghe. Một lần nữa tưởng không hẳn là vô bổ.

Nếu chưa thì hãy nghe Quách Tấn nói:

« Thơ không phục vụ cái gì hết.

Làm thơ cũng như ăn ngủ, buồn vui... »

Không đói không ăn, không buồn ngủ không được.

Buồn không thể cười, vui không thể khóc.

Nghĩa là làm thơ là làm một việc cần thiết cho sự sống của chính mình, cụ thể hóa tâm hồn mình.

Cho nên thành thật mà nói thì người thơ làm ra thơ chỉ để thỏa mãn nhu cầu của chính mình. Thơ làm ra sẽ có ích cho đời như sao, sẽ có hại cho đời như sao, người làm thơ ít khi nghĩ đến. Mà thì giờ đâu để nghĩ trong lúc tâm hồn chìm đắm trong hương vị của Thơ.

Hoa là Thơ của Đất ; Thơ là Hoa của Người.

Cho nên Thơ cũng như Hoa, cái Đẹp là cái cốt yếu.

Hoa hái đường, hoa thực được, hoa trà my... chỉ đẹp, mà người yêu hoa vẫn liệt vào hạng danh hoa, những người biết hoa vẫn liệt vào hạng khách quý, bạn quý.

Còn hoa dúi dẻ, hoa cau, hoa bưởi... tuy thơm, nhưng từ xưa đến nay, có giai nhân nào ngắt cài lên mái tóc, có khách phong tao nào hái về cắm nơi bàn đọc sách, nơi bàn tiếp tân?

Có cả sắc lẫn hương thì không còn phải nói.

Nếu không thể có cả đôi thì nên chuộng cái Đẹp.

Song không phải chỉ hoa-lệ mới gọi là Đẹp. Có vẻ đẹp

nông diêm (1), có vẻ đẹp thanh đạm, có vẻ đẹp đài các, có vẻ đẹp bình dân. Có vẻ đẹp khắc hoạch (2), có vẻ đẹp tự nhiên.

Có khi rườm rà mà đẹp, có khi lơ thơ mà đẹp.

Có khi đẹp vì khúc chiết (3), có khi đẹp vì trực trắn (4).

Có nhiều vẻ đẹp cổ kính, có lắm vẻ đẹp tân kỳ, văn văn...

Hoa có trăm nghìn vẻ đẹp. Thơ cũng phải có trăm nghìn vẻ đẹp như hoa.

Người ta cho những nhà thơ « ưa đẹp » là những nhà thơ « duy mỹ ».

Đối với phái duy mỹ, nhiều nhà phê bình chê rằng « chỉ chú trọng về hình thức mà xao lãng mặt nội dung, cho nên Thơ mất cả sinh khí ».

Nói như thế là chưa hiểu Đạo làm thơ. Có lẽ họ nhăm vào những ông thơ thơ, những ông làm thơ chỉ để tiêu khiển như đánh cờ, uống rượu.

Làm thơ là để nói những cái gì mình muốn nói, mình cần nói. Nói bằng lời không đủ, phải mượn đến màu sắc, đến hình ảnh, đến âm hưởng của tiếng, đến nhịp nhàng của câu. Nói cách này không được phải tìm cách khác, dùng chữ này không diễn tả nổi phải tìm chữ khác ổn dưng hơn... Đắt ruột vì một câu, nát gan vì một chữ là cốt để nói được những cái gì mình muốn nói, mình cần nói, nào phải để khoe cái đẹp cái khéo mà chơi. Vì những nhà thơ chân chính, kẻ thì lấy Thơ làm nguồn sống, kẻ lấy thơ làm phương tiện để giải thoát, nghĩa là coi thơ như một Đạo-giáo.

Cho nên dùng cái đẹp bên ngoài để nói một cái gì ở bên trong của tác giả, chứ không phải để làm vui tai mắt cho độc giả, hầu mong được tiếng khen.

Nhà phê bình vì không nhận thấy tiềm ẩn nên chê, kẻ cũng không đáng trách.

1) Trong tự điển Đào Duy Anh không có chữ «nông». Có thể đây là chữ «nùng» là «đậm, mận mạp» nói trại ra, «nùng diêm» là vẻ đẹp thắm.

2) Chạm, gọt, mài, giữa từng tí.

3) Kín đáo, úp mở.

4) Phơi bày lộ liễu.

Người ta thường nói : « Các nghệ sĩ lãng mạn đã đầu độc thanh niên » và cổ động bài trừ văn thơ lãng mạn.

Nói thế không phải không có lý. Song đó là lấy kết quả làm nhân.

Xin thử hỏi : Vì sao lại sanh ra những nghệ sĩ lãng mạn ?

Có phải vì xã hội chẳng ?

Nghệ sĩ chỉ là tấm gương phản chiếu tình trạng xã hội ; nhóm này thì phản chiếu cạnh khía này, nhóm kia thì phản chiếu cạnh khía kia...

Mặt mình lem lọ nhìn vào gương thấy lọ lem, sao nữ trách tấm gương này nọ ? Đập gương đi mà mình không lo rửa, thì chỉ bằng cứ để gương đầy đi rửa mặt có hơn không ?

Nhịp sống luôn luôn thay đổi. Hình thức của Thơ cũng phải đổi theo nhịp sống thì mới phản ánh được cõi lòng.

Từ bốn nghìn năm nay, thơ Tàu thay đổi không ngừng, từ thể tứ ngôn trong Kinh Thi, thể từ của nước Sở, đến thể ngũ ngôn, thất ngôn... và mỗi lần thay đổi người ta đặt cho thể thơ một cái tên (lối Kinh Thi), « lối Sở từ », « lối cổ phong » hay « cổ thể », « lối Đường luật » hay « cận thể », v.v...

Mỗi lần thay đổi là mỗi lần tiến bộ.

Sao cứ đòi giữ mãi thể Đường luật, thể Thơ mới, mà công kích phải thơ Tự-do đương tìm con đường mới. Tìm con đường mới là một việc đáng khen, đáng cổ vũ, ai làm được nên làm.

Còn tôi giữ mãi thể Đường luật là vì thể ấy thích hợp với tâm hồn tôi, chứ không phải vì cho thể Đường luật là hơn các thể khác. Thể nào lại chẳng được, miễn sao nó diễn tả được tâm hồn, và nhất là diễn tả sao cho hay. Đó là điều cốt yếu.

Và tuy tôi theo thể Đường luật, nhưng vẫn có sự thay đổi trong cách dùng chữ, đặt câu, chuyển hoi, hòa điệu... Chớ đâu phải nhất nhất đều theo cổ nhân. Sự thay đổi ấy không phải do tánh lập dị, mà chính do sự cần thiết của tâm hồn. Vì nhịp lòng của người xưa đâu có giống nhịp lòng của người nay, mặc dù người nay vẫn theo một đường một lối với người xưa.

Cho nên trong việc tái tạo vẫn có công sáng tạo, không được nhiều cũng có ít, chứ không phải hoàn toàn không.

Nhạc là một yếu tố trong Thơ, một yếu tố quan trọng, có thể nói là quan trọng nhất.

Thơ Hàn-Mặc-Từ nhiều khi đọc lên không thấy hiệu chi cả mà vẫn thấy thích thú, là vì nhạc trong thơ Từ rất giàu. Mỗi bài thơ của Từ là mỗi bài nhạc. Thơ Đường cũng thế.

Có thể nói một cách quả quyết rằng Thơ không có nhạc không thành Thơ.

Thơ Đường hơn các thơ đời khác một phần lớn là nhờ giàu nhạc. Thơ Hàn-Mặc-Từ hơn thơ Bích-Khê cũng thế.

Thơ không có nhạc có thể ví như một ông tiêu dùng đi thổi lửa, hay một ông thổi lửa dùng làm ông tiêu.

Trong thơ, nội dung và hình thức không thể tách rời.

Một bài thơ hoàn hảo, hễ thay đổi một chữ là thay đổi một ý, hoặc nhiều hoặc ít.

Cùng một ý mà diễn tả bằng hai thể thơ, hoặc bằng hai cách khác nhau, thì đời này vị thơ, người đọc có khiêu tham mỹ sẽ thấy, sẽ cảm thì dùng hơn, khác nhau hẳn.

Cổ nhân bảo : « dịch là diệt », « dịch là phân », chính vì thế.

Một bài thơ hay, là một bài thơ có vị. Cho nên cái gì tạo ra cái vị ấy, cái ấy là Thơ.

Trong bài thơ, nội dung tạo ra thơ hay hình thức ?

Và với cái ấy ở trong thơ viết ra bằng văn xuôi có tạo ra vị thơ hay không ? Dĩ nhiên là không.

Thế là hình thức tạo ra vị ?

Nhưng không có cái ý ấy thì có thể tạo ra vị ấy không ?

Nhất định là không. Cho nên bảo nội dung và hình thức không thể tách rời nhau là thế.

Cũng như ăn một đĩa gà quay thấy thơm ngon, thấy ý vị. Đó là do cách quay khéo hay do thịt gà ? Hai cái phải đi đôi. Thiếu một, đều bất thành.

Như vậy cái tài cũng như anh đầu bếp có tài, chỉ lo không có « chai de nầu » chứ không lo cách nấu.

Làm thơ trước phải uẩn nhường (1) tâm tư, sau mới thôi xao (2) từ điệu.

Tâm tư chưa được chín muồi thì dù từ điệu có hay đến đâu cũng không thể tạo được thi vị ngọt ngon.

Thơ không cần làm nhiều, chỉ cần làm cho đích đáng. Thà chỉ một khúc trường vì nồng diễm, hay một chậu cúc thanh đạm, còn hơn một vườn hoa thực-quì hướng dương.

Sự đối chọi trong thơ Đường luật, đối với người mới học làm thơ hoặc chưa biết làm thơ, có phần khó, nên bị chê là làm mất tự do của ngòi bút. Nhưng đối với tay rành nghề, thì đó là những trò đi dây mà lắc qua lắc lại hoặc đánh đu mà nhào vài ba bận trên không của các nhà hát xiếc, vậy thôi. Huống nữa ai buộc hễ «trời» thì phải đối «đất» hễ «anh bếp đi qua» phải đối «chị bồi trở lại» làm gì. Đối cốt để giữ cho ý được cân, lời được hòa, khỏi mắc phải sự chênh lệch. Có nhiều khi chữ đối chọi không thật chỉnh mà ý cũng như lời rất cân xứng nhau :

Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,

Bạch vân thiên tải không du du (3).

hoặc :

Bạn già lớp trước nay còn mấy

Chuyện cũ mười phần chín chẳng như.

Nhiều khi lời đối thật chỉnh mà ý bị lệch, như :

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

Thật đối sát từng chữ. Chữ «hồn» mà dùng chữ «bóng» để đối lại thì về phần văn thật tuyệt. Song «bóng tịch dương» đối không nổi với «hồn thu thảo» vì một bên đã được nhân cách hóa, một bên vẫn còn giữ «chất thiên nhiên». Câu trên ý nghĩa nặng, câu dưới ý nghĩa nhẹ. Chữ «hồn» thêm không biết bao

(1) Dần dần gây thành tứ.

(2) Chọn đề sắp xếp.

(3) Trần Trọng San dịch : Hoàng hạc một đi không trở lại,
Mênh mang mây trắng xóa ngàn thu.

nhiều ý nghĩa, gọi không biết bao nhiêu hình ảnh, còn chữ «bóng» không thêm được gì cả. Đối như thế, những người «nặng về ý» không vừa lòng.

Thà chữ đối không chỉnh mà ý xứng như hai câu trên.

Nhưng đó nói cho cặn kẽ vậy thôi, chờ trừ người quá yêu thơ, ai hơi đâu ngồi thâm mỹ từng chữ.

(Trích thư thi sĩ Quách Tấn gửi thi sĩ
Bằng Bá Lân, tháng 8 năm 1963.)

*

Đọc xong quan diễm về thơ của Quách Tấn, ý hẳn sẽ lưu lại ở bạn nhiều ấn tượng hay hay, khi ông thí dụ đi dôm :

«Thơ không có nhạc có thể ví như một ông tiên dùng đũa thôi lửa, hay một ông thôi lửa dùng làm ông tiên.»

Hoặc : «Một bài thơ hay là một bài thơ có vị. Cho nên cái gì tạo ra cái vị ấy, cái ấy là Thơ. Cũng như ăn một đĩa gà quay thấy thơm ngon, thấy ý vị. Đó là do cách quay khéo hay do thịt gà ? Hai cái phải đi đôi. Thiếu một, đều bất thành.»

Và khi ông nói làm thơ Đường luật không khó gì «đối với tay rành nghề, đó là những trò đi dây mà lắc qua lắc lại, hoặc đánh đu mà nhào vài ba bận trên không của các nhà hát xiếc, vậy thôi.»

Như thế kể ra cũng dễ gây chán nản cho những ai nuôi mộng làm thi sĩ của thơ Đường luật khi nhớ đến thời gian trui rèn trường kỳ gian khổ để trở thành tay nhào lộn trên dây. Thơ Đường vì vậy mà xa cách đại chúng.

Điều trình bày của thi sĩ Quách Tấn có những cái khiến các bạn rất thú vị, mà cũng có cái không dung hợp với ý của các bạn nữa.

Nhưng ở khoảng giấy trắng mực đen này là của thi sĩ Quách Tấn, của thơ Quách Tấn, của ý nghĩ riêng của nhà thơ.

Chúng ta không thể đi xa hơn.

Chi tuyến

Đá vọng phu

I

Chồng đi biệt tích từ bao giờ ?
 Một góc trời riêng một dạ chờ.
 Lụy nhớ mưa ngàn tuôn nức nức,
 Tóc thề mây núi bạc phơ phơ.
 Non chồng nghĩa nặng cao vọi vọi,
 Nước vợ tình sâu chảy lững lờ.
 Dầu bề đã bao đời kiếp trải,
 Lòng son một tấm mãi trơ trơ.

II

Người đã không về, tin cũng không,
 Dầu non đất trẻ đứng trông chờ.
 Nước mây quanh vắng tròng khô lệ,
 Mưa nắng phơi pha má lạt hồng.
 Lời thề vừng ghi lòng sắt đá,
 Khổ tình riêng nặng gánh non sông.
 Nỗi niềm ai biết, không ai biết ?
 Gương nguyệt nghìn thu rạn biển đông.

(Một tấm lòng)

*

Đà - lạt đêm sương

Bóng trăng lóng lánh mặt hồ im,
 Thời khắc theo nhau lải rải chìm.
 Đứng dựa non sao bờ suối ngọc,
 Hồn say dịu dịu mộng êm êm.

Một luồng sương bạc bỗng từ mô,
 Lén cuốn vừng trắng, cuốn mặt hồ.
 Cuốn cả non sao bờ suối ngọc :
 Người lơ lửng đứng giữa hư vô.
 Trời đất tan ra thành thủy tinh.
 Một bàn tay ngọc đắm hương trinh,
 Âm thầm mơn trớn bên đôi má,
 Hơi mát để mê chạy khắp mình

(Một tấm lòng)

*

Viếng thành Huế sau ngày khói lửa

Nắng nhạt chiều thu quạ rộn ràng.
 Sầu vương lau lách lạnh thành hoang.
 Thơ tàn cổ viện duyên ngao ngán,
 Đá nát hoàng cung bước ngử ngàng.
 Gầy guộc gió sương từng Thử miếu,
 Bê bàng trắng nước trúc Hương giang.
 Trông vời Thiên-mụ mây man mác,
 Lơ lửng chuông hôm rụng tiếng vàng.

(Làm sau thế chiến thứ hai)

*

Tình xưa

Từ buổi thuyền đưa khách thuận dầm,
 Trông chừng bến cũ biệt mù tăm !
 Cảm thương chiếc lá bay theo gió.
 Riêng nhớ tình xưa ghé đến thăm.

(Động bóng chiều)

*

Sông chiều

Ngày trôi chậm chậm sông đưa lá,
 Thoi liệng xa xa én dệt mù.
 Mờ rặng sông thơ chờ bóng nguyệt :
 Nửa lòng xuan sắc, nửa lòng thu.
 (Động bóng chiều)

*

Bên sông

Gió rú canh đi, ngàn liêu khóc,
 Sông đưa lạnh tới bóng trắng run.
 Thuyền ai tiếng hát bên kia vắng
 Ghé lại cho nhau gởi chút buồn.
 (Động bóng chiều)

*

Lòng thuyền

Anh buộc đời em, bến buộc thuyền,
 Nước trôi thuyền trở, bến nằm yên.
 Một mai anh thả thuyền lơ lửng :
 Mây nước lòng em lạnh ước nguyện !
 (Động bóng chiều)

*

Đêm thu nghe quạ kêu

Từ Ô-y-hạ rú rê sang,
 Bóng lẫn đêm thâu tiếng rộn ràng...
 Trời bến Phong-kieu sương thấp thoáng,
 Thu sông Xích-bích nguyệt mờ màng.

Bồn chồn thương kẻ nường sông bạc,
 Lạnh lẽo sầu ai rặng giềng vàng :
 Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi,
 Tình hoang mang gởi tứ hoang mang...

*

Lẻ điệu

Lạnh lẽo sông thu tiễn lá ngàn,
 Mây thu vờn vẽ khói trần gian.
 Có tơ ai nhớ công tâm khồ !
 Không mặt đành che kiếp bướm nhàn !
 Gió bắc mĩa mai lòng bạch nhận,
 Bóng chiều ngao ngán phận hồng nhan,
 Con thuyền bến lách không tri kỷ,
 Đề lẻ trong sương mấy điệu đàn.

*

Trơ trọi

Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ !
 Bao nhiêu khắng khít bấy ơ hồ !
 Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ,
 Nhớ gởi vào thơ nghĩ tới thơ !
 Mưa gió canh dài ngăn lối mộng,
 Bèo mây bến cũ chuyện lòng tơ...
 Hỏi thăm tin tức bao giờ lại ?
 Con thuyền qua sông lại ơ ờ !

*

Qua xuân

Đôi tiếng chim vàng nghe chửa nhuyển,
 Nhìn xuân bóng ngựa đã xa lơ...!
 Biết bao tươi thắm sai hò hẹn,
 Còn chút thơm thanh đám hừng hờ,
 Cánh phấn ắp iu tằm nhả kén,
 Nhụy hồng dan diu nhện trương tơ
 Một mai trắng chờ thu về cúc,
 Rèm cuốn sương hương tỏa lừng lơ.

*

Đêm tái phùng

Đưa nhau nước biếc trôi phù dung,
 Rụng mấy mùa hoa bóng tái phùng !
 Muôn dặm bèo mây duyên cũ mới,
 Nửa đời dâu bể nổi riêng chung.
 Vườn nương xuân muôn trao đắm thắm,
 Chén rót trắng khuya lắng ngại ngưng.
 Bừng tình giấy say trời chửa sáng,
 Dịch chiều như đã vắng bên sông !

*

Mộng thầy Hàn-Mặc-Tứ

Ôi Lệ-Thanh ! Ôi Lệ-Thanh !
 Một giấc trưa nay lại gặp mình.
 Nhan sắc châu pha màu phú quý,
 Tài ba bút trở nét tinh anh.
 Rượu tàn thư cũ say sưa chuyện,
 Hương tọ trời cao bát ngát tình.
 Tôi khóc tôi cười vang cả mộng...
 Nhớ thương đưa lạc gió qua mình.

(24-4-1940)

*

Thị - nại hoài cổ

Thị-nại xưa kia vũng chiến trường,
 Nồi chìm thế sự mấy sao sương ?
 Non cao còn thoáng hơi binh dữ,
 Biền thắm chưa phai sắc máu hương.
 Gành Ráng sóng vờn gương để bá,
 Phương-mai rừng đắp vết tang thương.
 Bụi ngùi ngắm cảnh quay trông lại :
 Lốp lốp xe ai rộn phố phường.

*

Thay bạn biệt tình nhân

Theo càng đau khổ ích chi mà ?
 Mấy dặm đưa nhau cũng đã lờ...
 Em lại nhé, ngày sau sẽ gặp,
 Anh đi thôi, bước trước còn xa.
 Liều bỏ cảm cảnh đời không bạn,
 Hồ hải dung thân nước ấy nhà...
 Bờ bến biết đâu cơn sóng gió,
 Theo càng đau khổ ích chi mà...

*

Thân lữ thứ

Từ phiên cổ lý nôi phong ba,
 Khó chạy vào nên phải chạy ra.
 Hèn yếu đã can phần sợ giặc,
 Chiêu lòn nghĩ tội cảnh không nhà !
 Thơ ăn ai đó hồng đem trẻ,
 Tuổi chửa bao lần đã thấy già,
 Cũng muốn chấp tay ngồi đối vách,
 Bên thềm con quốc trót tu oa.

Huế 1946

*

Lại tản cư

Vừa mới hồi cư đã tản cư,
 Vận nhà vận nước biết nên hư ?
 Máu xương chiến đấu thương đả lăm,
 Nanh vuốt xâm lăng giận chửa trừ !
 Vườn cũ tả tơi trời thảng chập,
 Đường quê khắp khềnh nguyệt canh tư.
 Gió sương chênh choáng hồn ly loạn.
 Ước nguyện bình sinh nửa có như ?

Trường-định 1947

*

Đêm rằm tháng năm

Tháng năm năm ngoái dưới trăng tròn,
 Vợ dắt đoàn con, chồng cõng con...
 Dồn dập gió sương tin khủng khiếp,
 Lạ lùng mây nước bước bôn chôn.
 Thân ngoài đất lữ năm đà giáp,
 Mắt ngoảnh trời tây giặc vẫn còn !
 Yên ổn đêm nay ngời với nguyệt,
 Trà pha lá với tạm rằng ngon.

Phú-ân 1948

*

Nhớ Tản Đà

Đà-giang từ độ rụng văn tình,
 Làn-linh diu hiu rọi bóng mình.
 Móng đỏ in sâu lòng tuyết trắng,
 Tơ vàng mang nặng nợ dâu xanh.
 Hàn-rồng năm cỏ chưa tròn mộng,
 Khê-thượng nguồn thơ luống quặn tình.
 Chén rượu đêm nay nồng nã nhớ,
 Hồn ai lai láng ánh trăng thanh...

Phú-phong 1949

*

Trong khuya vắng

Lăn thơ chung hứng bút thơ nồng...
 Trống đồ canh dài : gió ngõ không !
 Hoa bướm ngằn ngơ đời nửa mộng ;
 Cỏ sương gầy gò kiếp ba đông !
 Rèm buông bóng xế mong manh nguyệt,
 Nén trở mùa thu lá chã hồng.
 Xích lại gần gương mong có bạn,
 Đầu e tuyết nhuộm, ngại ngùng trông !

Hòa-bình 1950

*

Ngọn đèn xanh

Quán khôn hò hẹn đón đưa nhau,
 Khêu ngọn đèn xanh gạn bề dẫu.
 Thương tờ mái gương đường ướm tuyết,
 Mừng ai khoe phụng vẫn nguyên thu.
 Hoa, lòng nở gởi trời u cốc ?
 Bút, mộng không rời nợ Bích-câu.
 Muốn mượn chén trăng hòa viễn ý,
 E dòng lệ ngọc khúc minh châu..

An-thường 1951

*

Vườn quê

Đạy học không xong bị thái hồi,
 Nuôi gà thất giống kẻ sinh nhai.
 Biết rằng tội ấy rằng công ấy ?
 Miễn khỏi cầu ai khỏi lụy ai.
 Tình bạn nước non canh đố vũ,
 Đời riêng thơ mộng gác liêu trai.
 Mơ màng bốn bề duyên tri ngộ
 Hiu hắt vườn quê một nhánh mai.

Phú-phong 1952

*

Hận thu

Non mấy trùng cao nước mấy trùng,
 Tình chung non nước mỗi thù chung.
 Ngựa trâu kiếp đã ê chề kiếp,
 Lang sói lòng thêm trắng trợn lòng !
 Trời biếc chơi vơi hồn luyện thạch,
 Lá vàng xao xác hận thu phong.
 Còn đương lúng túng thân hồng hạc,
 Cánh chớp mây xa nén vẫy vùng...

Phú-nhiều 1953

*

Xí xóa

Bóng dàu đã xẽ mái đầu xanh,
 Mà việc chi chi cũng chưa thành !
 Tình nghĩa thoảng qua cơn huyễn mộng,
 Văn chương rút lại chút hư danh !
 Chừ đây mới biết vàng là quý,
 Năm ngoái còn mua sách để dành !
 Phải quấy sự đời thôi xí xóa,
 Kìa đoàn con trẻ nhíp đồng thanh...

Phú-phong 1954

*

Tân xuân

Ngàn sương lóng lánh ánh quang huy,
 Phấp phới nở trượng ngọn Quốc-kỳ.
 Cửa đón tân xuân lồng thược dược,
 Trà dâng nguyên-đán ngát trường vỵ.
 Mộng phiên ba tình hồn phấn điệp,
 Diễm thái hòa ứng giọng hoàng ly.
 Tắm lòng đất nước chung hoan hỷ,
 Hương khói thơm lừng nhíp trúc ty.

Nha-trang 1955

*

Những bài thơ dưới đây đều trích trong tập *Mộng Ngã-sơn* đề các bạn hiểu biết thêm tư tưởng mới nhất của Quách Tấn. Mà thi sĩ đã cho là đầy đủ trong đời thơ.

Tình cỏ nhân

Mây nước nhiễm phong trần
 Nơi đâu tình cỏ nhân
 Những đêm buồn tỉnh giấc
 Chùa cũ tiếng chuông ngân.

*

Viễn vọng

Trời lạnh biển mênh mông
 Thuyền ai lướt rạng đông
 Nao nao lòng viễn vọng
 Sóng bạc trở rừng bông.

*

Giác hương

Mười mấy độ sao sương
 Đời thơ gió bốn phương
 Bên hoa tình gặp gỡ
 Giã tình gối còn hương,

*

Ngập ngừng

Thềm mạn sương gieo trắng
 Giàn nho nắng đọng vàng
 Ngập ngừng con bướm lượn
 Xuân sang rồi ? chưa sang.

*

Ấp ủ

Vỏ sò khô ấp ủ
 Niềm băng tuyết đêm sương
 Muôn xa bờ bến cũ
 Vang vọng sóng trùng dương.

*

Mộng Ngân-sơn

Song thưa cài gió bắc
 Buồn tựa gối thiu thiu
 Giấc mộng Ngân-sơn tỉnh
 Sương lam đọng nắng chiều.

*

Nhớ mẹ

Gò thu : cam chín tới
 Lòng mẹ ngày con đau
 Ngon ngọt đời chưa báo
 Trời hôm thương bóng dẫu.

*

Giọt trúc đào

Vườn sớm mưa thưa tạnh
 Trúc đào hoa đọng hương
 Đôi hoàng ly rìa cánh
 Từng giọt rưng Kim-cương.

*

Chung trà sớm

Sóng mắt gợn thuyền mơ
 Chung trà hương nhả tơ
 Trời mai chen bóng mặt
 Buông chỉ vàng câu thơ.

